**Về việc đặt tên đường mang tên vua Gia Long tại Huế**

**Tử Quang**

**Báo Tuổi trẻ online vào 09:39 ngày 01/06/2022 đưa tin: “Ngày 31/5, Hội đồng trị sự Nguyễn Phước tộc (con cháu vua Gia Long) ở Huế đã tổ chức tọa đàm khoa học “Công lao và những đóng góp quan trọng của vua Gia Long” nhân kỷ niệm 220 năm ngày vị vua đầu tiên của nhà Nguyễn lên ngôi hoàng đế”. Trong đó nổi bật là việc đề xuất việc đặt tên đường Gia Long ở TP Huế. Điều này đã tạo nên hai luồng ý kiến khen – chê (ủng hộ - phê phán) tranh biện rất gay gắt trên mạng xã hội.**

Có một sự thực rằng Nguyễn Ánh - Gia Long là một nhân vật cực kỳ phức tạp và rất khó để đánh giá một cách hoàn chỉnh, toàn diện để đi tới một quan điểm cách nhìn thống nhất. Sự phức tạp này cũng giống như bối cảnh lịch sử mà chính nhân vật này ra đời, và dấn thân vào con đường hoạt động chính trị. Nguyễn Ánh sinh ra trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, nước Đại Việt vẫn còn chưa thống nhất. Khi ông vừa lớn lên thì lại gặp bao biến cố lớn: 4 tuổi, cha bị quyền thần ngoại thích Trương Phúc Loan bắt giam và chết trong ngục tối; 9 tuổi, Tây Sơn khởi nghĩa làm lung lay cơ nghiệp của tổ tiên; 13 tuổi, chính quyền chúa Nguyễn bị quân đội chúa Trịnh liên minh cùng quân Tây Sơn đánh kẹp từ hai mặt, khiến ông và 4 anh em trong nhà theo chúa Nguyễn Phúc Thuần chạy vào Quảng Nam rồi vượt biển vào Gia Định. Từ đây, dù đang nhỏ tuổi nhưng ông đã phải trải qua những năm tháng hết sức khốn cùng và nguy hiểm.

Bản thân Nguyễn Ánh chỉ là con thứ (thứ 3) của vương tử Nguyễn Phúc Luân, chắc hẳn rằng ông chưa bao giờ nghĩ mình sẽ làm vua lập nên một triều đại lớn của đất nước, nếu như không gặp phải những biến động chính trị lớn lao đó. Nhưng vì mang trong mình dòng máu của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, nên dù đang ở tuổi học tuổi chơi, ông đã phải gánh trên vai cơ đồ và sự nghiệp của tổ tiên, để rồi chính trong hoàn cảnh ngặt nghèo đó đã biến ông trở thành vị vua sáng lập nên 1 triều đại.

Quay trở lại với việc đề xuất đặt tên đường mang tên vua Gia Long tại Huế, tại cuộc tọa đàm khoa học có nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử ở trong và ngoài nước gửi tham luận tham gia đóng góp ý kiến. Bên cạnh đó còn có nhiều Facebooker nổi tiếng đăng tải status ủng hộ việc đánh giá lại vua Gia Long và ủng hộ việc đặt tên đường. Tựu trung có 5 ý lớn, nêu bật công tích của vua Gia Long. Tuy nhiên, việc gắn cho nhà vua với những công trạng này có chỗ chưa thỏa đáng. Chúng tôi xin trao đổi cụ thể như sau:

Vua Gia Long có công rất lớn trong việc thống nhất, mở mang bờ cõi nước ta với vùng đất rộng lớn từ ải Nam Quan đến đất mũi Cà Mau.

Nước ta thế kỷ 16 bị chia thành Nam Triều và Bắc Triều với hai chính quyền Lê Mạc đối địch. Tới thế kỷ 17 lại bị chia làm 2 miền Đàng Trong và Đàng Ngoài (1666) với hai chính quyền Trịnh Nguyễn đối địch. Cho tới năm 1789 sau khi đánh bại Mãn Thanh, vua Quang Trung là vị Hoàng đế duy nhất nắm quyền điều hành chính thống tại nước ta do trước đó (Trung ương hoàng đế) Nguyễn Nhạc đã bỏ đế hiệu, còn vua Lê Chiêu Thống nhà Lê đã lưu vong sang nhà Thanh. Nhờ chiến thắng trước quân Xiêm và quân Thanh mà uy tín của vua Quang Trung trong lòng sĩ dân bấy giờ ngày càng cao, đồng thời lại được chính triều Thanh sắc phong làm An Nam quốc vương (thay thế địa vị của nhà Lê) nên tính chính thống lại cao hơn bao giờ hết. Nhưng việc thống nhất đất nước vẫn chưa được thực hiện bởi Nguyễn Ánh đang hùng cứ Gia Định (dù chưa xưng đế) và ngày càng lấn ra Diên Khang và Bình Thuận. Chính vì vậy sẽ không sai khi nói vua Gia Long là người thống nhất đất nước sau khi ông thành lập triều Nguyễn. Nhưng phải nhớ rằng việc làm chủ cả nước Việt rộng lớn từ Bắc chí Nam, vua Gia Long kế thừa rất nhiều từ những thành tựu mà vua Quang Trung đã làm được từ trước đó: “vua Quang Trung trồng cây, vua Gia Long hái quả”. Còn việc mở mang bờ cõi thì lại là công của các chúa Nguyễn chứ không phải của vua Gia Long. Ngược lại, bản thân vua Gia Long lại làm mất lãnh thổ, khiến diện tích đất nước ta bị co hẹp lại rất nhiều so với trước đó.

Vua Gia Long ổn định và phục hồi nền kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước sau thời gian dài chiến tranh, loạn lạc.

Với việc lập ra một triều đại mới, thì ổn định mọi việc là điều phải làm trước nhất. Nhưng điều đáng chú ý là trong suốt 18 năm vua Gia Long cai quản đất nước, về chính trị: có tới hơn 90 cuộc khởi nghĩa nổ ra với nhiều lý do khác nhau trong đó có nguyên nhân do chính sách thuế khóa và lao dịch nặng nề. Chính vì việc tăng thuế cao hơn thời Tây Sơn nên người dân nước ta rất bất bình, tạo nên nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình lúc bấy giờ. Về kinh tế: vua Gia Long không quan tâm đến thương mại nên ngoại thương thời Gia Long bị thu hẹp rất nhiều so với thời Tây Sơn. Các nước tư bản phương Tây như Anh hay Pháp tới xin giao thương, nhà vua đều từ chối và cũng không cho phép họ lập phố buôn trên lãnh thổ nước ta. Việc người châu Âu tới đặt quan hệ ngoại giao và thương mại từ sớm là cơ hội rất lớn để đất nước có thể duy tân và thoát Á, nhằm hiện đại hóa đất nước theo mô hình châu Âu, nhưng từ chính việc xa lánh phương Tây dưới thời Gia Long đã khiến cho nước ta mất đi cơ hội quý giá đó.

Vua Gia Long đặt tên nước Việt Nam.

Khi chưa lên ngôi, Gia Long từng sai Trịnh Hoài Đức đưa những sắc phong và ấn tín của nhà Tây Sơn trả lại cho nhà Thanh. Sau khi lên ngôi, nhà vua lại sai Lê Quang Định sang nhà Thanh xin phong và xin đổi quốc hiệu. Tất nhiên, “Việt Nam” chính thức trở thành quốc hiệu nước ta bắt đầu từ thời vua Gia Long nhưng quốc danh “Việt Nam” mà nước ta còn dùng tới ngày nay không phải do vua Gia Long nghĩ ra, vì 2 lẽ: Thứ nhất, vua Gia Long xin đổi quốc hiệu là ‘Nam Việt”, nhà Thanh sợ trùng với Nam Việt bao gồm cả đất Lưỡng Quảng của Trung Hoa nên mới đổi thành “Việt Nam”. Thứ 2, “Việt Nam” đã xuất hiện vào thế kỷ 14 khi danh sĩ Hồ Tông Thốc viết bộ sử mang tên Việt Nam thế chí. Tới thế kỷ 16, Việt Nam lại xuất hiện trong tập Trình tiên sinh quốc ngữ văn của danh sĩ Nguyễn Bỉnh Khiêm. Đặc biệt nhất phải kể đến mảng văn khắc ở thế kỷ 16 - 17 như văn bia chùa Bảo Lâm (1558) ở Hải Phòng, văn bia chùa Cam Lộ (1590) ở Hà Nội, văn bia chùa Phúc Thánh (1664) ở Bắc Ninh…trong đó nổi bật nhất là văn bia Thủy Môn Đình (1670) ở biên giới giáp với Trung Hoa có câu đầu: “Việt Nam hầu thiệt, trấn Bắc ải quan”.

Vua Gia Long củng cố, xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với nhiều đảo, quần đảo ở Biển Đông và đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Dưới thời các chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong, chính quyền Phú Xuân đã xác lập chủ quyền của mình đối với “Bãi Cát Vàng” tức hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ngày nay, được rất nhiều bộ thư tịch ghi lại rất rõ ràng như Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (1686) của Giám sinh Đỗ Bá Công Đạo (Thanh Chương, Nghệ An), Quảng Thuận đạo sử tập (1774) của Tiến sĩ Nguyễn Huy Quýnh (Can Lộc, Hà Tĩnh)… Chúng tôi đã có nhiều bài viết cụ thể về vấn đề này trên Chuyên san KHXH&NV Nghệ An số 1+2 năm 2014, bạn đọc có thể xem lại.

Vua Gia Long cũng là vị vua cho xây dựng hệ thống kiến trúc kinh thành Huế tồn tại cho đến ngày hôm nay và được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Khi vua Gia Long định đô tại Phú Xuân, thì Thăng Long trở thành cố đô. Theo quan niệm cố đô không thể to hơn kinh đô nên vua Gia Long đã cho phá thành Thăng Long thời Lê và cho xây thành mới ở vị trí cũ với quy mô nhỏ bé hơn. Đại thi hào Nguyễn Du là người đương thời, nên trong bài Thăng Long (kỳ nhất) đã phải cảm thán:

Thiên niên cự thất thành quan đạo,

Nhất phiến tân thành một cố cung.

(Những ngôi nhà hùng tráng có từ ngàn xưa nay đã thành đường cái

Một thành trì mới làm mất đi cung điện ngày xưa)

Bà Huyện Thanh Quan cũng tỏ ra tiếc nuối:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Sang thời Minh Mạng, nhà vua mở cuộc cải cách hành chính lớn, cho đổi Bắc thành thành tỉnh Hà Nội. Năm 1835, nhà vua lại cho hạ thấp tường thành xuống 1 thước 8 tấc (tương đương 3,7m), và đóng hai cửa Tây và Nam. Từ đây, thành được gọi là thành Hà Nội. Đặc biệt tới thời Tự Đức, nhà vua ra lệnh phá dỡ các cung điện còn lại trong thành Hà Nội để lấy đồ gỗ, đá chạm trổ đưa về Huế để trang trí, kinh đô Thăng Long hoa lệ ngàn năm chỉ còn lại đôi rồng đá trước điện Kính Thiên.

Như vậy, không phủ nhận việc vua Gia Long “xây dựng hệ thống kiến trúc kinh thành Huế tồn tại cho đến ngày hôm nay và được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới” nhưng vẫn phải thừa nhận rằng chính vua Gia Long cũng đã làm mất đi 1 di sản văn hóa của nước ta là hệ thống kiến trúc kinh thành Thăng Long gần cả ngàn năm lịch sử.

Tính chính danh của việc thành lập triều đại từ một cuộc nội chiến như triều Nguyễn so với việc thành lập triều đại từ một cuộc kháng chiến đánh đuổi ngoại xâm như triều (Hậu) Lê rõ ràng có sự khác biệt. Vua Gia Long lập nên triều Nguyễn không chỉ riêng từ non sông của các đời chúa ở xứ Đàng Trong mà còn là toàn cõi nước Việt. Tuy nhiên, trước và sau khi lập nên triều Nguyễn, vua Gia Long đã phạm phải 2 sai lầm hết sức nghiêm trọng, đi ngược lại với tư tưởng và quyền lợi của dân tộc nói chung và chính các đời chúa Nguyễn nói riêng, dù biện luận ra sao cũng không thể nào thay đổi được.

Thời kỳ đang còn là Nguyễn vương ở Gia Định đối địch với nhà Tây Sơn, ông đã từng cầu viện quân sự từ vương triều Chakri nước Xiêm La và giúp đỡ hậu cầu cho quân Thanh đánh chiếm nước ta. Đặc biệt, ông còn ký Hiệp ước Versailles năm 1787 (tiếng Pháp: Traité de Versailles de 1787) đồng ý cắt lãnh thổ Việt Nam cho Pháp để Pháp đưa quân đội, vũ khí sang giúp đánh nhà Tây Sơn (nhưng may mắn là cách mạng Pháp nổ ra nên hiệp ước không thực hiện được). Ở miền Nam, ông mở đường cho 5 vạn quân Xiêm tiến vào nước ta. Còn tại miền Bắc, ông lại sai sứ thần Phan Văn Trọng và Lâm Đề mang thư sang Thanh và đem 50 vạn cân gạo tăng phần lương thảo cho quân Thanh khi chúng vào nước ta (nhưng may mắn là thuyền gặp bão nên đã đắm hết toàn bộ số lương thảo đó). Ở thời điểm bấy giờ, Xiêm La đang có tham vọng “đông tiến” còn Mãn Thanh cũng có tham vọng “nam tiến” để từng phần sáp nhập lãnh thổ nước ta vào đất nước họ. Hơn nữa, khi vào trong nội địa nước ta, quân Xiêm và quân Thanh đã thi hành những chính sách hết sức bạo ngược, làm tổn hại rất lớn đến quốc thể và dân sinh. Như vậy, rõ ràng Nguyễn Ánh xem trọng lợi ích gia tộc mà không quan tâm tới lợi ích dân tộc. Việc đưa quân đội nước ngoài vào trong nước để mưu sự vương bá, tranh đoạt chính quyền với nhà Tây Sơn chỉ đơn thuần là quyền lợi của gia tộc. Đến đây, Nguyễn Ánh không còn giữ được chính danh, mà lại theo vết xe đổ của Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống năm xưa, phản bội lợi ích của quốc gia - dân tộc.

Các triều đại trước đây chưa từng ghi nhận trường hợp nào dẫn đường cho quân đội nước ngoài vào trong nước để giải quyết vấn đề nội chiến mà không bị lên án. Trường hợp chiến tranh Lê - Mạc kéo dài 144 năm hay chiến tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài 148 năm, cả hai bên đều là hai thế lực không dung hòa, mục tiêu chung của họ trong cuộc chiến là tìm mọi biện pháp để loại trừ lẫn nhau. Do đó việc quan trọng hàng đầu của cả hai chính quyền Lê - Mạc, sau này là chính quyền Trịnh - Nguyễn đều là xây dựng và củng cố lực lượng quân sự lớn mạnh để có thể giành chiến thắng trên chiến trường. Vậy nhưng không một chính quyền nào trong 4 chính quyền trên lại liên minh quân sự với nước ngoài để đưa quân đội đó vào trong nước nhằm giải quyết các vấn đề chính trị nội bộ.

Dù sau này triều đại nhà Mạc, rồi triều Tây Sơn có suy tàn và diệt vong, nhưng hai triều đại đó vẫn không cầu viện quân sự từ nước ngoài đưa về trong nước, nên trong suốt thời gian nhà Mạc và nhà Tây Sơn làm chủ, nước ta không phải chịu bất cứ một sự cai trị trực tiếp hay gián tiếp nào liên quan tới yếu tố ngoại bang. Và đặc biệt nhất chính là tinh thần xem lợi ích dân tộc cao hơn lợi ích gia tộc của vua quan triều Mạc, thể hiện qua câu nói của quan đại thần Mạc Ngọc Liễn:

“Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng... Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại nỡ thế!... Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng”.

Như vậy, rõ ràng việc vua Nguyễn Ánh từng dẫn đường cho Xiêm La và ủng hộ Mãn Thanh can thiệp quân sự vào đất nước ta thực sự là việc làm không thể dung thứ.

Sang đến thời kỳ đã làm chủ toàn cõi nước ta và lập nên triều Nguyễn, vì để trả công cho việc quốc trưởng Vạn Tượng liên minh với Xiêm La và Nguyễn Vương đánh nhà Tây Sơn, nên vua Gia Long lại cắt rất nhiều đất đai cho nước họ. Việc này được chính sử triều Nguyễn ghi lại rất rõ ràng. Tổng cả, vua Gia Long đã cắt 4 vùng đất vô cùng rộng lớn tặng cho nước Vạn Tượng (Lào). Cụ thể như sau:

Trấn Ninh: Đây là một quốc gia cổ với tên gọi cổ là Bồn Man 盆蠻 hay Muang Phuan tương ứng với khu vực tỉnh Xiêng Khoảng, một phần các tỉnh Hủa Phăn đến Khăm Muộn, ở phía Đông nước Lào ngày nay. Vào thời vua Lê Nhân Tông, Bồn Man xin được nội thuộc vào nước ta, với tên gọi Trấn Ninh 鎮寧 thuộc xứ Nghệ An. Triều đình nhà Lê và cử quan quân sang, nhưng vẫn cho họ Lư Cầm nối đời làm Phụ đạo. Tới năm 1479 dưới thời vua Lê Thánh Tông, lãnh thổ này chính thức thuộc về nước ta theo hình thức tự trị. Như vậy về mặt hành chính, lãnh thổ Trấn Ninh thuộc xứ Nghệ An của Đại Việt. Đây được xem là nơi “đất rộng người đông, đứng đầu các đất Man”.

Trấn Biên:

Đại Nam nhất thống chí cho biết: ở phía Tây Bắc cách tỉnh thành Nghệ An 21 ngày đường, phía Đông đến địa giới phủ Quỳ Châu, phía Tây đến địa giới phủ Trấn Ninh, phía bắc đến địa giới châu Lang Chánh tỉnh Thanh Hóa.Trấn Định:

Đại Nam nhất thống chí cho biết: ở phía Tây Nam cách tỉnh thành 10 ngày đường, phía đông đến địa giới phủ Trấn Ninh, đường đi 10 ngày; phía Tây đến địa giới Vạn Tượng, đường đi 4 ngày; phía Bắc đến địa giới phủ Trấn Ninh, đường đi 8 ngày…

Trấn Tĩnh:

Đại Nam nhất thống chí cho biết: ở lệch về phía Tây Nam cách tỉnh thành 9 ngày đường, phía nam giáp địa giới phủ Lạc Biên 2 ngày đường, phía Bắc giáp địa phận sách Trú Cẩm tấn Quy Hợp 1 ngày đường.

Một vấn đề mang tính xuyên suốt trong lịch sử nước ta đó chính là vấn đề về lãnh thổ. Dân gian ta có câu: “Tấc đất tấc vàng”. Còn lãnh đạo nhà nước (Lê Thánh Tông) lại có câu: “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ... Nếu đem một thước một tấc đất của tổ tiên làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di” đã cho thấy quan điểm chính trị và ý thức về chủ quyền lãnh thổ của dân tộc Việt Nam là không bao giờ được để mất lãnh thổ, dù chỉ là 1 tấc đất.

Vùng đất gốc của dân tộc chúng ta kể từ sau khi nhà Ngô thành lập chỉ bao gồm 2 khu vực chính là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng Thanh - Nghệ, còn những nơi như Tây Bắc, hay phía nam đèo Ngang trở vào đều là những mảnh đất được sáp nhập vào bản đồ ở những giai đoạn sau này. Tây Bắc hay Đông Bắc và đặc biệt là Tây Nam Nghệ An luôn được các triều đại phong kiến đánh giá đúng đắn và quan tâm tới mọi biến động vùng biên cương đất nước.

Dưới thời Lý, Nghệ An là vùng biên viễn ở cực nam nước ta, còn phủ Tương Dương lại chính là nơi xa nhất của Nghệ An, phần nhiều tiếp giáp với các vùng đất kể trên. Với đặc điểm xa vùng trung tâm nên Tương Dương ít được nhắc đến ở các hoạt động chính trị xã hội trong chính sử, nhưng nếu được ghi chép thì Tương Dương đều xuất hiện như một địa phương gắn với những dấu ấn và sự kiện lớn của lịch sử dân tộc. Toàn thư chép vào năm Giáp Thân niên hiệu Minh Đạo năm thứ 3 [1044], vua Lý Thái Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành giành được thắng lợi và xuống chiếu ban sư - “Vua từ Chiêm Thành về, làm lễ cáo thắng trận ở miếu Thái Tổ, xong về ngự ở điện Thiên An, mở tiệc rượu làm lễ mừng về đến nơi. Ngày hôm ấy, bầy tôi dâng tù binh hơn 5 nghìn tên và các thứ vàng bạc châu báu. Xuống chiếu cho các tù binh đều được nhận người cùng bộ tộc, cho ở từ trấn Vĩnh Khang đến Đăng Châu”. Qua thông tin này trong chính sử, cho chúng ta biết rằng những tù binh người Chăm Pa (cùng nhiều người Việt) đã được chính quyền nhà Lý cho lên vùng đất thuộc Tương Dương ngày nay để định cư và khai khẩn mục đích là giữ đất. Việc này làm đã nói lên tầm quan trọng của những mảnh đất biên cương địa đầu đất nước. Bên cạnh đó cũng đã có hàng chục lần vua Lý cùng các tướng giỏi cất quân đi chinh phạt ở biên cương. Thời Trần cũng nối tiếp chính sách Thời Lý, tiến hành gần 10 lần đi chinh phạt các vùng biên viễn.

Vào niên hiệu Khải Hựu thứ 7 thời Trần, Ai Lao quấy nhiễu biên cương phía Tây nước ta, thượng hoàng Trần Minh Tông nhiều lần, tự thân chinh làm tướng đi đánh dẹp để ổn định các vùng đất ở biên giới. Danh sĩ Đoàn Nhữ Hài cũng vì bảo vệ sự bình yên của mảnh đất biên cương mà phải hy sinh trong trận giao tranh với Ai Lao. Tấm bia “Ma nhai kỷ công bi văn” do Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn khắc lên vách núi Trầm Hương vào mùa đông năm Ất Hợi niên hiệu Khai Hựu thứ 7 (1335) là minh chứng rõ ràng nhất về ý thức bảo toàn lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia của ông cha ta thuở trước.

Bốn vùng đất rộng lớn trên đây vốn đã là lãnh thổ của nước ta từ đầu đời Lê Sơ. Trải qua các đời vua từ Lê Nhân Tông tới Lê Chiêu Thống, sang nhà Tây Sơn vẫn không có gì thay đổi. Và cũng kể từ khi thuộc về lãnh thổ nước ta, vùng đất biên cảnh đã trở nên yên bình hơn và không còn bị quấy nhiễu bởi người Ai Lao, đồng thời các vị vua của triều Lê sơ cho đến Lê trung hưng đã không còn phải vất vả thân chinh đánh dẹp như các vị vua triều Lý Trần nữa. Đấy đều là những vùng đất chiến lược trong các hoạt động quân sự. Một minh chứng điển hình là việc hoàng thân nhà Lê là Lê Duy Mật đóng căn cứ ở Trình Quang thuộc Trấn Ninh, để “phù Lê diệt Trịnh”. Tại đây, thanh thế của Lê Duy Mật ngày một lên cao và sức ảnh hưởng của nghĩa binh lan sang tận cả đất Lào. Họ Trịnh đã phải cử tất cả các tướng giỏi nhất bấy giờ như Hoàng Ngũ Phúc, Bùi Thế Đạt, Nguyễn Phan, Hoàng Đình Thể, Đàm Xuân Vực… mà mãi tới gần 10 năm mới có thể bình định được Trấn Ninh của Lê Duy Mật.

Trong suốt hơn 800 năm kể từ khi dân tộc ta thoát khỏi ách thống trị của phong kiến Trung Hoa để trở thành một quốc gia độc lập, cho tới đầu thời Nguyễn, nước ta chưa một lần nào ghi nhận việc một nhà lãnh đạo đất nước nào cắt lãnh thổ nước ta cho một quốc gia khác.

Nhưng đến khi nhà Nguyễn thành lập, bốn Trấn nói trên đã bị chính vị vua đầu triều cắt cho nước khác. Đau đớn hơn là việc mất những vùng lãnh thổ rộng lớn này không phải do sức ép chính trị, cũng không phải do sức mạnh quân sự uy hiếp và xâm chiếm từ một quốc gia lớn mạnh khác, mà lại do vị vua đầu triều Nguyễn tự ý cắt cho một nước nhỏ yếu và xem nó như một món quà tặng phẩm, vì nước kia có công liên minh quân sự với mình. Xét về diện tích, đây là lần bị mất lãnh thổ lớn thứ 2 trong lịch sử Việt Nam, chỉ đứng sau việc Tự Đức cắt Nam Kỳ lục tỉnh cho thực dân Pháp. Chưa kể, với Hiệp ước Versailles như đã kể trên, Nguyễn Ánh đồng ý nhường cửa biển Đà Nẵng và Côn Lôn cho Pháp, cho phép họ được quyền tự do buôn bán và kiểm soát thương mại của người nước ngoài ở Việt Nam, cung cấp lương thực và quân nhu thiết yếu cho Pháp khi có chiến tranh với một nước khác ở khu vực Viễn Đông. Nhưng may mắn là cách mạng Pháp nổ ra nên hiệp ước này không thực hiện được.

Trở lại với bản thân vua Gia Long. Nếu nhìn kĩ tuổi thơ và cuộc đời của ông thì đó thực sự là người đáng thương và cũng có chỗ để khâm phục. Mới lên 4 tuổi đã mất cha, lên 13 tuổi lại bị Tây Sơn hủy diệt hết cả dòng họ, giết hại những người thân thích, phả hủy hết cả tông miếu, tước đoạt tất thảy cơ đồ, bản thân phải sống trong hiểm nguy rình rập. Đứng trước sự nghiệp lớn lao vĩ đại của gia tộc mấy trăm năm ở xứ Đàng Trong, ông quyết không buông tay phó mặc. Tuổi thơ bình yên chỉ được 12 năm, cuộc đời làm vua chỉ 18 năm, nhưng quãng thời gian ông dấn thân theo đuổi công cuộc giành lại cơ đồ của tổ tiên tới tận 25 năm. Quãng thời gian dài nằm gai nếm mật đó, nhiều lúc bị đánh không còn một manh giáp, tưởng chừng như không sống nổi, nhưng ông vẫn không nản chí, không ngại hiểm nguy, vẫn tiếp tục dấn thân theo con đường đã chọn. Thắng không kiêu, thua không nản, lại biết tận dụng nhiều yếu tố có lợi cho mình ở đất và người Nam bộ. Để rồi sau sau 25 năm chiến đấu ngoan cường bền bỉ, ông đã không những lấy lại được cơ nghiệp của tổ tiên, mà còn thống nhất đất nước trải dài từ Nam chí Bắc để lập ra triều đại mới. Sự nghiệp trung hưng đó không có gì đáng chê trách, nếu như ông không phạm phải hai sai lầm nghiêm trọng nói trên.